

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 166/2004/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 21 tháng 9 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
Về việc ban hành Quy chế phê duyệt chuẩn đo lường quốc gia

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Đo lường ngày 06 tháng 10 năm 1999;

Căn cứ Nghị định số 06/2002/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Đo lường;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phê duyệt chuẩn đo lường quốc gia.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Quy chế

phê duyệt chuẩn đo lường quốc gia

(Ban hành kèm theo Quyết định số 166/2004/QĐ-TTg
ngày 21 tháng 9 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I

Những Quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nội dung, trình tự, thủ tục phê duyệt chuẩn đo lường quốc gia.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chuẩn đo lường* là phương tiện kỹ thuật thể hiện đơn vị đo lường và dùng làm chuẩn để xác định giá trị đại lượng thể hiện trên phương tiện đo.

2. *Chuẩn đo lường quốc gia* là chuẩn đo lường có độ chính xác cao nhất của quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt dùng làm chuẩn gốc để xác định giá trị các chuẩn còn lại của một lĩnh vực đo. Chuẩn đo lường quốc gia phải được liên kết với chuẩn quốc tế bằng việc định kỳ so sánh trực tiếp với chuẩn quốc tế hoặc gián tiếp qua chuẩn quốc gia của nước ngoài.

Điều 3. Thẩm quyền phê duyệt chuẩn đo lường quốc gia

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức, đánh giá, thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chuẩn đo lường quốc gia cho từng lĩnh vực đo.

Điều 4. Cơ quan quản lý chuẩn đo lường quốc gia

Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan thiết lập, duy trì, bảo quản và khai thác chuẩn đo lường quốc gia (sau đây gọi tắt là cơ quan quản lý chuẩn đo lường quốc gia) của các lĩnh vực đo theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 06/2002/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Đo lường.

Chương II

Nội dung, Trình tự, thủ tục phê duyệt chuẩn đo lường quốc gia

Điều 5. Nội dung phê duyệt chuẩn đo lường quốc gia

Nội dung phê duyệt chuẩn đo lường quốc gia bao gồm:

1. Trình độ kỹ thuật và đo lường của chuẩn hiện có để đề nghị phê duyệt thành chuẩn đo lường quốc gia (sau đây gọi tắt là chuẩn).
2. Các điều kiện cần thiết phục vụ việc duy trì, bảo quản và khai thác chuẩn: phương tiện sao truyền, trang thiết bị phụ, điều kiện môi trường, mặt bằng làm việc.
3. Năng lực của cán bộ chuyên môn.
4. Các văn bản kỹ thuật và nghiệp vụ đo lường có liên quan.

Điều 6. Hồ sơ đề nghị phê duyệt chuẩn đo lường quốc gia

Cơ quan quản lý chuẩn đo lường quốc gia lập hồ sơ đề nghị Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chuẩn đo lường quốc gia.

Hồ sơ đề nghị Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ gồm có:

1. Đơn đề nghị phê duyệt chuẩn đo lường quốc gia (Phụ lục).
2. Thuyết minh về cơ sở kinh tế, khoa học - kỹ thuật của chuẩn đo lường quốc gia, nội dung bao gồm:
 - 2.1. Sự cần thiết của chuẩn đo lường quốc gia đối với nhu cầu xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.
 - 2.2. Sự phù hợp về trình độ khoa học - kỹ thuật đo lường của chuẩn đo lường quốc gia so với xu thế phát triển của khoa học - công nghệ trong nước và trên thế giới.
 - 2.3. Phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội của chuẩn đo lường quốc gia.
3. Thuyết minh về tình trạng hiện tại của chuẩn, bao gồm:
 - 3.1. Trình độ kỹ thuật và đo lường của chuẩn.
 - a) Đại lượng, đơn vị (của lĩnh vực đo tương ứng).
 - b) Mô tả chuẩn, bao gồm :
 - Tên chuẩn đo lường quốc gia;
 - Số hiệu;
 - Ký mã hiệu của chuẩn;
 - Nơi và năm sản xuất;
 - Phạm vi đo và độ chính xác tương ứng;
 - Các đặc trưng kỹ thuật và đo lường cần thiết khác.
 - 3.2. Các điều kiện cần thiết phục vụ việc duy trì, bảo quản và khai thác chuẩn.
 - a) Danh mục các trang thiết bị kèm theo của chuẩn:

- Phương tiện sao truyền (tên, ký mã hiệu, các đặc trưng chính về kỹ thuật và đo lường...);

- Trang thiết bị phụ (tên, ký mã hiệu, các đặc trưng chính về kỹ thuật và đo lường ...).

b) Mặt bằng làm việc và điều kiện môi trường (diện tích, phòng làm việc, môi trường phòng thí nghiệm: nhiệt độ, độ ẩm...)

3.3. Thuyết minh về năng lực cán bộ.

Cán bộ trực tiếp duy trì, bảo quản, khai thác chuẩn phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Trình độ chuyên môn: tốt nghiệp đại học chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực chuẩn đo lường;

b) Trình độ ngoại ngữ: tiếng Anh tương đương bằng B;

c) Thời gian làm việc tại phòng thí nghiệm: ít nhất 3 năm.

3.4. Các văn bản kỹ thuật và nghiệp vụ đo lường có liên quan, bao gồm:

a) Quy định về điều kiện môi trường duy trì và bảo quản chuẩn (nhiệt độ, độ ẩm, áp suất môi trường, sự ổn định nguồn điện, mức độ phóng xạ cho phép, yêu cầu về phòng cháy nổ, thiên tai cũng như khi cần di chuyển chuẩn khẩn cấp ...);

b) Quy định việc sử dụng, bảo quản, khai thác chuẩn;

c) Quy định về phương pháp đánh giá, liên kết chuẩn;

d) Sơ đồ liên kết chuẩn;

đ) Giấy chứng nhận hiệu chuẩn của chuẩn;

e) Biên bản, số liệu về kết quả nghiên cứu, đánh giá, so sánh chuẩn (nếu có).

Điều 7. Xem xét, đánh giá và kết luận

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng thẩm định chuẩn đo lường quốc gia (sau đây gọi tắt là Hội đồng) để xem xét, đánh giá chuẩn đo lường quốc gia.

Cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng được quy định tại Chương III của Quy chế này.